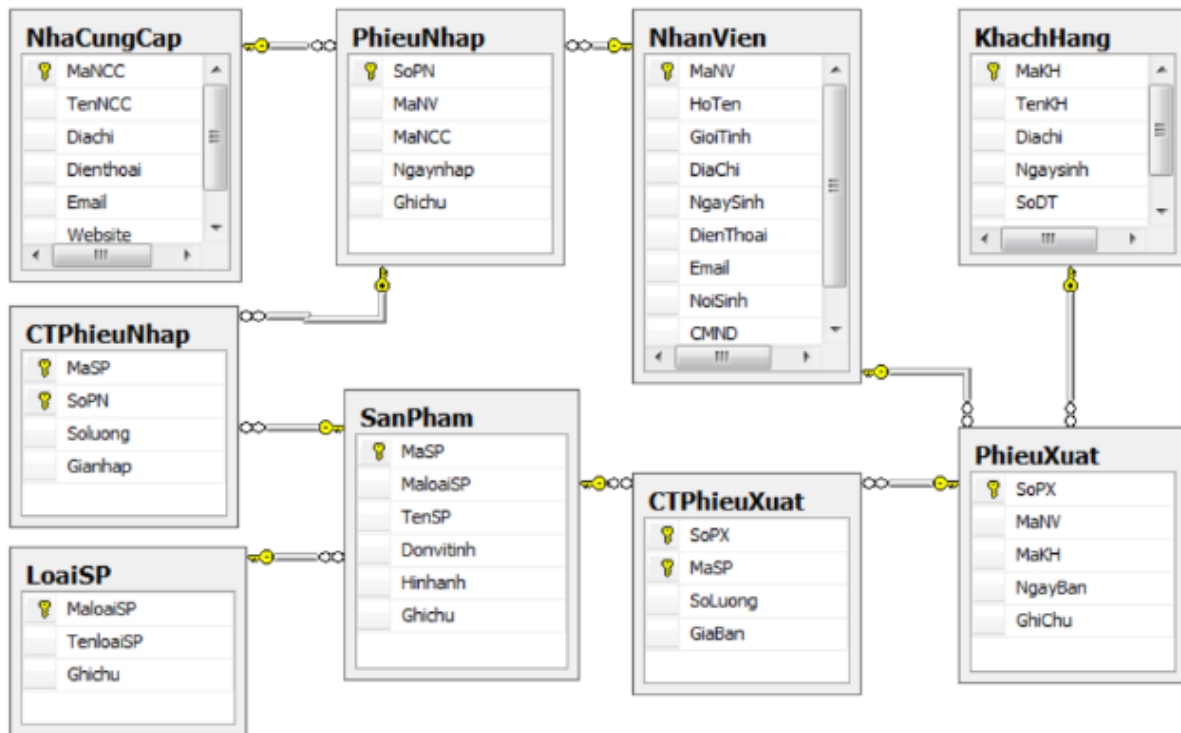


RA – MYSQL – DATABASE – TABLE – DML – TỔNG HỢP 2

Bài 1: Tạo CSDL QUANLYBANHANG:



Trong đó:

1. Bảng KHACHHANG

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
PK	MaKH	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	TenKH	nvarchar(30)	<input type="checkbox"/>
	Diachi	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Ngaysinh	datetime	<input checked="" type="checkbox"/>
	SoDT	nvarchar(15)	<input checked="" type="checkbox"/>

- SoDT phải là duy nhất

2. Bảng NHANVIEN

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	MaNV	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	HoTen	nvarchar(30)	<input type="checkbox"/>
	GioiTinh	bit	<input type="checkbox"/>
	DiaChi	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	NgaySinh	datetime	<input type="checkbox"/>
	DienThoai	nvarchar(15)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Email	ntext	<input checked="" type="checkbox"/>
	NoiSinh	nvarchar(20)	<input type="checkbox"/>
	NgayVaoLam	datetime	<input checked="" type="checkbox"/>
	MaNQL	nvarchar(4)	<input checked="" type="checkbox"/>

3. Bảng NHACUNGCAP

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	MaNCC	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
	TenNCC	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	Diachi	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	Dienthoai	nvarchar(15)	<input type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(30)	<input type="checkbox"/>
	Website	nvarchar(30)	<input checked="" type="checkbox"/>

4. Bảng LOAISP

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	MaloiSP	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	TenloaiSP	nvarchar(30)	<input type="checkbox"/>
	Ghichu	nvarchar(100)	<input type="checkbox"/>

5. Bảng SANPHAM

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	MaSP	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	MaloiSP	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	TenSP	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	Donvitinh	nvarchar(10)	<input type="checkbox"/>
	Ghichu	nvarchar(100)	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Bảng PHIEUNHAP

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	SoPN	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
	MaNV	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	MaNCC	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
	Ngaynhap	datetime	<input type="checkbox"/>
	Ghichu	nvarchar(100)	<input checked="" type="checkbox"/>

- Ngaynhap mặc định là ngày hiện tại

7. Bảng CTPHIEUNHAP

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	MaSP	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
🔑	SoPN	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
	Soluong	smallint	<input type="checkbox"/>
	Gianhap	real	<input type="checkbox"/>

- Soluong mặc định là 0
- Gianhap có giá trị lớn hơn hoặc bằng 0

8. Bảng PHIEUXUAT

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	SoPX	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
	MaNV	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	MaKH	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	NgayBan	datetime	<input type="checkbox"/>
	GhiChu	ntext	<input checked="" type="checkbox"/>

- NgayBan có giá trị lớn hơn hoặc bằng ngày hiện tại

9. Bảng CTPHIEUXUAT

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	SoPX	nvarchar(5)	<input type="checkbox"/>
🔑	MaSP	nvarchar(4)	<input type="checkbox"/>
	SoLuong	smallint	<input type="checkbox"/>
	GiaBan	real	<input type="checkbox"/>

- SoLuong và GiaBan phải có giá trị lớn hơn 0

Bài 2: Dùng câu lệnh ALTER để thêm ràng buộc khóa ngoại cho các bảng

Bài 3: Dùng lệnh INSERT thêm dữ liệu vào các bảng:

1. Thêm 2 Phiếu nhập trong tháng hiện hành. Mỗi phiếu nhập có 2 sản phẩm. (Tùy chọn các thông tin liên quan còn lại)
2. Thêm 2 Phiếu xuất trong ngày hiện hành. Mỗi phiếu xuất có 3 sản phẩm. (Tùy chọn các thông tin liên quan còn lại)
3. Thêm 1 nhân viên mới (Tùy chọn các thông tin liên quan còn lại)

Bài 4: Dùng lệnh UPDATE cập nhật dữ liệu các bảng

1. Cập nhật lại số điện thoại mới cho khách hàng mã KH10. (Tùy chọn các thông tin liên quan)
2. Cập nhật lại địa chỉ mới của nhân viên mã NV05 (Tùy chọn các thông tin liên quan)

Bài 5: Dùng lệnh DELETE xóa dữ liệu các bảng

1. Xóa nhân viên mới vừa thêm tại yêu cầu C.3
2. Xóa sản phẩm mã SP15

Bài 6: Dùng lệnh SELECT lấy dữ liệu từ các bảng

1. Liệt kê thông tin về nhân viên trong cửa hàng, gồm: mã nhân viên, họ tên nhân viên, giới tính, ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, tuổi. Kết quả sắp xếp theo tuổi.
2. Liệt kê các hóa đơn nhập hàng trong tháng 6/2018, gồm thông tin số phiếu nhập, mã nhân viên nhập hàng, họ tên nhân viên, họ tên nhà cung cấp, ngày nhập hàng, ghi chú.
3. Liệt kê tất cả sản phẩm có đơn vị tính là chai, gồm tất cả thông tin về sản phẩm.
4. Liệt kê chi tiết nhập hàng trong tháng hiện hành gồm thông tin: số phiếu nhập, mã sản phẩm, tên sản phẩm, loại sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, giá nhập, thành tiền.
5. Liệt kê các nhà cung cấp có giao dịch mua bán trong tháng hiện hành, gồm thông tin: mã nhà cung cấp, họ tên nhà cung cấp, địa chỉ, số điện thoại, email, số phiếu nhập, ngày nhập. Sắp xếp thứ tự theo ngày nhập hàng.
6. Liệt kê chi tiết hóa đơn bán hàng trong 6 tháng đầu năm 2018 gồm thông tin: số phiếu xuất, nhân viên bán hàng, ngày bán, mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, giá bán, doanh thu.

7. Hãy in danh sách khách hàng có ngày sinh nhật trong tháng hiện hành (gồm tất cả thông tin của khách hàng)
8. Liệt kê các hóa đơn bán hàng từ ngày 15/04/2018 đến 15/05/2018 gồm các thông tin: số phiếu xuất, nhân viên bán hàng, ngày bán, mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, giá bán, doanh thu.
9. Liệt kê các hóa đơn mua hàng theo từng khách hàng, gồm các thông tin: số phiếu xuất, ngày bán, mã khách hàng, tên khách hàng, trị giá.
10. Cho biết tổng số chai nước xả vải Comfort đã bán trong 6 tháng đầu năm 2018. Thông tin hiển thị: tổng số lượng.
11. Tổng kết doanh thu theo từng khách hàng theo tháng, gồm các thông tin: tháng, mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ, tổng tiền.
12. Thống kê tổng số lượng sản phẩm đã bán theo từng tháng trong năm, gồm thông tin: năm, tháng, mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, tổng số lượng.
13. Thống kê doanh thu bán hàng trong 6 tháng đầu năm 2018, thông tin hiển thị gồm: tháng, doanh thu.
14. Liệt kê các hóa đơn bán hàng của tháng 5 và tháng 6 năm 2018, gồm các thông tin: số phiếu, ngày bán, họ tên nhân viên bán hàng, họ tên khách hàng, tổng trị giá.
15. Cuối ngày, nhân viên tổng kết các hóa đơn bán hàng trong ngày, thông tin gồm: số phiếu xuất, mã khách hàng, tên khách hàng, họ tên nhân viên bán hàng, ngày bán, trị giá.
16. Thống kê doanh số bán hàng theo từng nhân viên, gồm thông tin: mã nhân viên, họ tên nhân viên, mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, tổng số lượng.
17. Liệt kê các hóa đơn bán hàng cho khách vắng lai (KH01) trong quý 2/2018, thông tin gồm số phiếu xuất, ngày bán, mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền.
18. Liệt kê các sản phẩm chưa bán được trong 6 tháng đầu năm 2018, thông tin gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, loại sản phẩm, đơn vị tính.
19. Liệt kê danh sách nhà cung cấp không giao dịch mua bán với cửa hàng trong quý 2/2018, gồm thông tin: mã nhà cung cấp, tên nhà cung cấp, địa chỉ, số điện thoại.
20. Cho biết khách hàng có tổng trị giá đơn hàng lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2018.

21. Cho biết mã khách hàng và số lượng đơn đặt hàng của mỗi khách hàng.
22. Cho biết mã nhân viên, tên nhân viên, tên khách hàng kể cả những nhân viên không đại diện bán hàng.
23. Cho biết số lượng nhân viên nam, số lượng nhân viên nữ
24. Cho biết mã nhân viên, tên nhân viên, số năm làm việc của những nhân viên có thâm niên cao nhất.
25. Hãy cho biết họ tên của những nhân viên đã đến tuổi về hưu (nam: 60 tuổi, nữ: 55 tuổi)
26. Hãy cho biết họ tên của nhân viên và năm về hưu của họ.
27. Cho biết tiền thưởng tết dương lịch của từng nhân viên. Biết rằng - thâm niên < 1 năm thưởng 200.000 - $1 \text{ năm} \leq$ thâm niên < 3 năm thưởng 400.000 - $3 \text{ năm} \leq$ thâm niên < 5 năm thưởng 600.000 - $5 \text{ năm} \leq$ thâm niên < 10 năm thưởng 800.000 - thâm niên ≥ 10 năm thưởng 1.000.000
28. Cho biết những sản phẩm thuộc ngành hàng Hóa mỹ phẩm
29. Cho biết những sản phẩm thuộc loại Quần áo.
30. Cho biết số lượng sản phẩm loại Quần áo.
31. Cho biết số lượng loại sản phẩm ngành hàng Hóa mỹ phẩm.
32. Cho biết số lượng sản phẩm theo từng loại sản phẩm.